

# MỘT SỐ KHUYNH HƯỚNG SỬ DỤNG TỪ NGOẠI LAI TRONG TIẾNG NHẬT NGÀY NAY

TRẦN THỊ HOÀNG MAI\*

**N**gười nước ngoài cũng như người Việt Nam khi học tiếng Nhật đều cảm nhận rằng ấn tượng sâu sắc để lại trong họ chính là lớp từ ngoại lai. Từ ngoại lai là một loại từ vay mượn từ tiếng nước ngoài và được người Nhật Bản tạo thành thứ ngôn ngữ của nước họ. Nó là lớp từ vay mượn nhưng lại biểu hiện đặc tính riêng của tiếng Nhật. Lượng từ ngoại lai được người Nhật Bản sử dụng ngày càng tăng lên theo thời gian. Nhưng người Nhật Bản ngày nay đã sử dụng từ ngoại lai như thế nào, ý thức của họ đối với việc sử dụng từ ngoại lai ra sao?

Trong tương lai, từ ngoại lai sẽ có vị trí như thế nào trong Tiếng Nhật? đó là những vấn đề mà bài viết này sẽ đề cập tới.

Người Nhật tiếp nhận văn hoá nước ngoài với một tinh thần học hỏi nghiêm túc, đến nơi đến chốn, rất bài bản, cho nên họ tạo cho mình một năng lực làm chủ các yếu tố vay mượn và với tinh thần cải cách đã biến đổi chúng cho phù hợp với cuộc sống hiện đại.

Ở Nhật Bản giáo dục ngôn ngữ là một trong những vấn đề được coi là quốc sách từ hơn một thế kỷ qua. Vấn đề này dành được sự chú ý đặc biệt từ khi Chính phủ Minh Trị (1868) bắt đầu thực hiện chính sách cải cách kinh tế, phát triển văn hoá đuổi kịp Châu Âu. Ngôn ngữ Nhật Bản với đặc tính đa âm tiết càng cần phải hoàn

thiện để có thể tiến tới một quốc gia đạt chuẩn hoá về ngôn ngữ.

Cùng với những kiến thức khoa học kỹ thuật từ nước ngoài, sự gia tăng nhanh chóng của lưu học sinh nước ngoài muốn tới Nhật Bản để giao lưu văn hoá, trao đổi tri thức khoa học và kỹ thuật, lớp từ ngoại lai đang hàng ngày ồ ạt thâm nhập vào tiếng Nhật. Nó được sử dụng ở khắp mọi nơi, trong mọi lĩnh vực. Phạm vi sử dụng ngày càng rộng rãi và khuyh hướng sử dụng ngày càng gia tăng. Người Nhật Bản ngày nay không còn cảm giác lạ lẫm khi sử dụng từ ngoại lai. Họ sử dụng thuần thục những từ tiếng Anh do Nhật Bản tạo nên, những từ lược theo kiểu Nhật Bản, sử dụng nghĩa và hình thái của từ nguyên gốc, sử dụng động từ, tính từ hay phó từ bằng từ ngoại lai v.v...

Năm Showa thứ 48 (1973), ở Nhật Bản đã tiến hành một cuộc điều tra có liên quan đến từ ngoại lai. Các từ ngoại lai được đưa ra trong lần điều tra này được phân chia theo nhóm nhằm mục đích so sánh cho chính xác.

Ví dụ: Nhóm từ gồm từ tiếng Anh do Nhật tạo nên và từ nguyên gốc 「バトンゲーム\_\_バトントワラー」. Nhóm từ gồm từ giản lược và từ không giản lược「オートメ\_\_オートメーション」「マンネリ\_\_マンネリズム」「リモコン\_\_リモートコントロール」v.v... Ngoài ra người ta còn đưa ra các loại từ sử dụng danh từ ngoại lai kết hợp với động từ 「する」, hoặc các loại tính

\* Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

từ là từ ngoại lai có các đuôi 「な」「に」 kèm theo.

Người ta cũng đưa ra hai câu hỏi đối với các từ ngoại lai nêu trên: “Có trở thành tiếng Nhật không?” và “Có thể sử dụng trên chương trình phát thanh được không?”. Kết quả trả lời cho hai câu hỏi trên được chia theo 5 khuynh hướng: (1) Từ tiếng Anh do Nhật Bản tạo nên. (2) Sử dụng động từ là từ ngoại lai kết hợp với 「する」. (3) Tính từ. (4) Từ giản lược. (5) Sử dụng trong chương trình quảng cáo. Chúng ta hãy phân tích lần lượt 5 khuynh hướng sử dụng từ ngoại lai này.

### 1. Khuynh hướng sử dụng từ tiếng Anh do Nhật Bản tạo nên

Chúng ta hãy xét 10 từ ngoại lai là từ tiếng Anh do Nhật Bản tạo nên. Các chữ số trong ngoặc biểu thị tỷ lệ % tán thành.

ベースアップ (97,1)、マイカー (95,3)、ワンマン (93,5)、バトンガール (90,5)、ベットタウン (89,7)、プラスアルファ (88,10)、レベルアップ (84,13)、イメージチェンジ (82,14)、コストダウン (79,17)、イメージアップ (79,17) .

Tỷ lệ bình quân của 10 từ này là: khẳng định: 88%; phủ định: 9%

Nhìn kết quả trên, ta thấy từ tiếng Anh do Nhật Bản tạo nên hầu như không có sự phản đối, nếu có thì rất ít.

Bây giờ chúng ta hãy xem kết quả điều tra đối với từ nguyên gốc là loại từ đối lập với từ tiếng Anh do Nhật tạo nên.

バトンガール (90,5)

バトントワラー (40,55)

Từ tỷ lệ so sánh trên, ta thấy tiếng Anh do Nhật tạo nên chiếm được sự ủng hộ hơn từ nguyên gốc. “Waseieigo” chiếm được tỷ lệ ủng hộ cao như vậy có lẽ do là những từ quá quen thuộc đối với

người Nhật Bản và được họ sử dụng nhiều hơn.

### 2. Khả năng sử dụng động từ là từ ngoại lai?

Chúng ta cũng đưa ra 10 từ trong tiếng Nhật là những từ ngoại lai kết hợp với 「する」 để tạo nên cụm động từ. Các chữ số trong ngoặc biểu thị tỷ lệ % câu trả lời tán thành:

「スカウト」(89,8)、「オープン」(78,17)、「アピール」(78,19)、「ミックス」(75,22)、「リラックス」(73,25)、「ハッスル」(70,26)、「エキサイト」(67,28)、「エンジョイ」(56,41)、「アプローチ」(42,55)、「ダイジェスト」(41,56). Qua kết quả trên, ta có tỷ lệ bình quân của 10 từ này là: khẳng định 67%; phủ định 30%. Với tỷ lệ này lượng người sử dụng động từ là từ ngoại lai là tương đối lớn. Nhưng chúng ta cũng có thể thấy rằng có sự khác biệt về cách đánh giá tùy theo từng từ. Ví dụ từ 「スカウト」có gần 90% ủng hộ; từ 「ダイジェスト」「アプローチ」 lại chỉ có khoảng 40% ủng hộ. Loại cụm động từ này (danh từ là từ ngoại lai kết hợp với động từ 「する」) đem so sánh với từ tiếng Anh do Nhật Bản tạo nên thì sự phản ứng đối với nó là không rõ ràng, không dứt khoát và mang tính chủ quan của từng cá nhân.

### 3. Tính từ là từ ngoại lai được tiếp tục mở rộng?

Tính từ trong tiếng Nhật (hay còn gọi là hình dung từ) gồm có hai loại: tính từ có đuôi 「い」 và tính từ có đuôi 「な」. Trường hợp tính từ là từ ngoại lai chỉ xảy ra với loại tính từ có đuôi 「な」 mà thôi. Người Nhật Bản đã từng sử dụng từ ngoại lai làm tính từ từ khi từ ngoại lai xâm nhập vào tiếng Nhật. Hiện tại loại tính từ này đang được người Nhật sử

dụng một cách rộng rãi. Nó là một trong những khuynh hướng sử dụng từ ngoại lai trong tiếng Nhật ngày nay. Loại tính từ này trong tương lai có gia tăng hay không? Hay có gặp phải sự phân đôi nào đó của người sử dụng chúng hay không? Chúng ta hãy xem xét kết quả thu được trong cuộc điều tra.

Trong cuộc điều tra, người ta đưa ra 9 từ ngoại lai có đi kèm 「な」 và 「に」 (Các chữ số trong ngoặc biểu thị tỷ lệ % với câu trả lời tán thành:

「ドライ」(84,2)、 「フル」(83,14)、 「タフ」(77,20)、 「カジュアル」(39,58)、 「ゴージャス」(38,58)、 「ナウ」(25,70)、 「シビア」(16,79)、 「ドラスチック」(14,83)、 「シリアス」(13,81).

Theo kết quả trên, ta thấy chỉ có 3 từ đầu có tỷ lệ trả lời “Được” trên 50%, các từ còn lại chỉ đạt dưới mức 50% với câu trả lời “Được”. Tỷ lệ khẳng định giữa câu trả lời khẳng định và phủ định thấp. Khẳng định: 43%; Phủ định: 53%. Từ phân tích trên, người ta thấy rằng từ ngoại lai là tính từ có đuôi 「な」 hiện tại tuy được sử dụng nhiều nhưng tỷ lệ khẳng định lại thấp so với dự tính. Và được dự đoán là có thể trong tương lai khuynh hướng sử dụng loại từ ngoại lai là tính từ không gia tăng so với việc sử dụng động từ là từ ngoại lai. Tuy loại từ ngoại lai này có tỷ lệ khẳng định thấp, nhưng người Nhật Bản vẫn ưa sử dụng chúng, nhất là giới trẻ.

#### **4. Sử dụng từ gián lược theo kiểu Nhật Bản**

Từ lược theo kiểu Nhật Bản là loại từ tiếng Anh do Nhật Bản tạo nên, nhưng ngắn và rõ ràng hơn. Ví dụ: Từ lược 「スト」 xuất xứ từ từ nguyên gốc 「ストライキ」. Chúng ta hãy xem xét 3 từ lược được so

sánh trực tiếp với từ nguyên gốc. Đó là các từ 「オートメ」、「リモコン」、「マンネリ」. (Số chữ trong ngoặc biểu thị tỷ lệ % giữa câu trả lời “Được” và “Không được”).

+ 「オートメ」(57,38); 「オートメーション」(93,5)

+ 「マンネリ」(78,18); 「マンネリズム」(75,22)

+ 「リモコン」(62,34); 「リモートコントロール」(77,21)

Theo kết quả trên ta thấy các từ không gián lược (từ nguyên gốc) của 「オートメ」 và 「リモコン」 được ưa dùng hơn. Từ 「オートメ」 và 「リモコン」 có tỷ lệ tán thành thấp hơn từ nguyên gốc bởi khi sử dụng chúng người ta có cảm giác ít nhiều xa lạ. Đối với từ lược 「マンネリ」 thì tỷ lệ hoàn toàn giống với từ nguyên gốc 「マンネリズム」. Có kết quả như vậy vì ngày nay từ lược này đã được dùng nhiều và mang tính phổ thông. Nhìn chung từ gián lược theo kiểu Nhật Bản đã và đang được sử dụng rộng rãi trong ngôn ngữ Nhật Bản. Người Nhật Bản đã dùng quen và cảm thấy rất tiện lợi.

#### **5. Từ ngoại lai được sử dụng theo khuynh hướng quảng cáo**

Nhật Bản cũng như phần lớn các nước phát triển, ảnh hưởng của những ngoại ngữ du nhập từ thời xưa vẫn còn tiếp tục cho đến ngày nay. Trong số đó, đáng lưu ý là vị thế ngày càng vượt trội của tiếng Anh, không chỉ vì vai trò “ngôn ngữ mẫu quốc” của tiếng Anh trong quá khứ mà còn vì, tiếng Anh ngày nay đã trở thành ngôn ngữ giao tiếp quốc tế quan trọng nhất. Sức mạnh của nền kinh tế Mỹ là tác nhân vừa giúp phổ biến tiếng Anh trên thế giới vừa trực tiếp đưa tiếng Anh lên ngôi cao nhất trong kỹ nghệ quảng cáo

toàn cầu. Kỹ nghệ quảng cáo hùng hậu của Mỹ đã theo chân các phái đoàn đầu tư và hàng hoá Mỹ đến khắp các nước trên thế giới. Ở Nhật Bản, tiếng Anh cũng đã hiện diện khắp nơi, và từ đó loại hình quảng cáo cũng sử dụng rất nhiều từ ngoại lai bằng hệ chữ ABC, hoặc bằng tiếng Anh do Nhật Bản tạo nên. Từ các bảng hiệu cho đến các văn bản quảng cáo, từ các bản hướng dẫn sử dụng hàng hoá cho đến các thông cáo tuyển dụng... đặc biệt đối với các dịch vụ quốc tế hoặc hàng hoá xuất khẩu. Ví dụ: 「ザ・テレビジョン」「ザ・マンザイ」「ストップ・ザ・サトウ」. Trong các cửa hiệu sách, tên các loại tạp chí ghi bằng hệ chữ ABC được bày bán rất nhiều như: (POPEYE, BRUTUS, FOCUS, an non...). Trên màn hình vô tuyến trong chương trình thể thao cũng xuất hiện các dòng chữ: (PUTTINA FOR A BURDIE/ 16 H FAR 4 (ゴルフ), 2 NDDOWN, 9 YADS TO GO (アメリカンフットボール).

Tiếng Nhật Bản ngày nay không phải là của riêng người Nhật, mà nó còn là sự tìm tòi, khám phá của người nước ngoài. Đại bộ phận từ ngoại lai thâm nhập vào tiếng Nhật đều được dùng với nét rất riêng của tiếng Nhật. Từ ngoại lai đang ở xu thế gia tăng trong kho từ vựng Nhật Bản. Từ ngoại lai thâm nhập vào tiếng Nhật đã làm cho vốn từ vựng tiếng Nhật phong phú hơn lên. Nó thể hiện ước vọng mong mỏi của người dân Nhật là ngôn ngữ của họ có thể trở thành ngôn ngữ quốc tế- ngôn ngữ thông dụng trên thế giới. Từ ngoại lai được nhìn nhận là loại từ dễ hiểu hay khó hiểu phụ thuộc hoàn toàn vào các tầng lớp dân chúng với trình độ học vấn khác nhau. Từ ngoại lai có liên quan sâu sắc đến thực trạng văn hoá Nhật Bản chịu ảnh hưởng của nền văn

hoá nước ngoài. Cách sử dụng của từ ngoại lai không chú ý đến yếu tố truyền thống của tiếng Nhật. Khi so sánh với chữ Hán, vấn đề từ ngoại lai không phải đơn thuần chỉ là vấn đề của bản thân từ ngoại lai, mà từ ngoại lai chính là một bộ phận quan trọng trong vấn đề có liên quan đến xã hội, văn hoá của Nhật Bản. Sự gia tăng từ ngoại lai chính là kết quả Âu Mỹ hoá của xã hội Nhật Bản. Và tiếng Nhật trong tương lai có lẽ cũng sẽ khác tiếng Nhật hiện nay. Điều đó nói lên xã hội Nhật Bản, nền văn hoá Nhật Bản và ngay cả người Nhật Bản sẽ biến đổi so với hiện nay. Nhưng dù có sự biến đổi thì người Nhật vẫn là người Nhật. Từ ngoại lai có gia tăng ở mức độ nào thì tiếng Nhật vẫn là ngôn ngữ chính trong xã hội Nhật Bản. Vấn đề từ ngoại lai không những chỉ là vấn đề từ ngữ đơn giản mà nó còn có mối quan hệ với toàn thể nền văn hoá Nhật Bản. Khi sử dụng và nghiên cứu về từ ngoại lai, chúng ta cần phải suy nghĩ vấn đề từ ngoại lai trên quan điểm sống của cá nhân và toàn thể xã hội Nhật Bản.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Nihongo daijiten (Đại Từ điển tiếng Nhật)*, Nxb Kodansha, 1989.
2. Nguyễn thị Việt Thanh, *Sự hình thành và phát triển của lớp từ ngoại lai trong tiếng Nhật*, Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản số 2/1998.
3. *Gendai Gairaigo (Từ ngoại lai hiện đại)*, Nxb Daishuka Shoten, 1985.
4. *Bách khoa thư Nhật Bản*, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, 1995.
5. *Gairaigo Shinjiten (Từ điển ngoại lai hiện đại)*, Nxb Gotoshoin, 1988.